

Số: 40/2022/QĐCNHGT-DS

TP. Tuyên Quang, ngày 10 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Nguyễn Ngọc M, chị Dương Thị T và bà Nguyễn Kim T1.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng thuê nhà đề ngày 10 tháng 3 năm 2022 của ông Nguyễn Ngọc M.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1970 .

Địa chỉ: Số nhà 135B, tổ 11, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người bị kiện: Chị Dương Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 135B, tổ 11, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 4 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 21 tháng 4 năm 2022, cụ thể như sau:

1.1. Chấm dứt Hợp đồng cho thuê nhà (nhà số 135 A, tổ 11, phường M, thành phố T) số: 02/2021/HĐTN lập ngày 20/11/2021 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang; giữa bên cho thuê nhà ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Kim T1 và bên thuê nhà chị Dương Thị T.

1.2 . Chị Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Kim T1 số tiền thuê nhà 150.000.000đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và số tiền 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) để ông M bà T1 sửa lại

nhà trả lại hiện trạng như ban đầu, sau khi chị T tháo dỡ máy móc (tài sản) của chị T chuyển đi. Tổng số tiền chị T phải trả là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), được trừ vào số tiền chị T đã trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), chị T tiếp tục phải trả cho ông M và bà T1 số tiền là 130.000.000đ (*Một trăm ba mươi triệu đồng*).

1.3. Ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Kim T1 có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị T các tài sản của chị T hiện ông M, bà T1 đang quản lý đã được hai bên xác nhận tại Biên bản xác nhận kiểm kê danh mục tài sản các tầng lập ngày 25/2/2022 gồm: 01 tủ bảo ôn; 01 tủ mát; 01 máy in phiếu; 01 màn hình; 01 máy xay đá; 03 bàn kính; 7 ghế sofa nhung; 02 bọc trang trí; 01 kệ để dép nhỏ; 04 bình trong có rượu; 01 quạt đứng; 01 đèn sưởi ba bóng; 01 máy lọc nước; 01 ấm điện đun nước; 02 phòng xông hơi; 01 máy song; 03 bồn tắm; 03 giường mát sa; 03 bàn gỗ; 03 cây treo quần áo; 01 bộ xô pha gồm (01 ghế, 01 bàn, 05 ghế mát xa); 02 tủ để đồ; 01 tủ đựng quần áo; 02 đèn sưởi. Ông M hoặc bà T1 có mặt khi chị T tháo dỡ tài sản và chuyển ra khỏi nhà đã thuê nhà số 135 A, tổ 11, phường M, thành phố T).

1.4. Chị T trả tiền cho ông M, bà T1 thực hiện đồng thời với việc ông M và bà T1 trả lại tài sản cho chị T.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Ngọc M và bà Nguyễn Kim T1 nếu chị Dương Thị T chậm thi hành số tiền phải trả cho ông M và bà T1 thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự .

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương Giang